

Bản án số: 397/2024/DS-PT
Ngày: 11 - 9 - 2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chê Linh

Các Thẩm phán: Ông Phạm Lâm Đồng
Ông Đào Liệt Trinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phong Lan - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 290/2024/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C

Trụ sở: Số A, đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Thị Thảo B - Trưởng P.

Địa chỉ chi nhánh C1: Số I, đường P, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ (Theo Văn bản ủy quyền ngày 10/01/2024).

- Bị đơn:

1. Bà Đỗ Thị Thúy A, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số A, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông Vi Kiến T, sinh năm 1987.

HKTT: Khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên hệ: Ấp I, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

Ông Vi Kiến T ủy quyền cho bà Đỗ Thị Thúy A (Theo Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2024).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Đỗ Hữu T1, sinh năm 1954.

2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1954.

Cùng địa chỉ: Số A, đường C, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Đỗ Thị Thúy A là bị đơn.

2. Ông Đỗ Hữu T1 và bà Lê Thị A là người có quyền, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cũng như tài liệu, chứng cứ có trong trong hồ sơ, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Giữa Ngân hàng TMCP C – Chi nhánh C1 (gọi tắt V) với bà Đỗ Thị Thúy A có ký kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng cho vay số 16/2023-HĐCVHM/NHCT82035 ngày 28/3/2023 với số tiền vay là 2.500.000.000 đồng, mục đích vay: kinh doanh đồ uống, thực phẩm và đồ dùng trong gia đình, thời hạn vay: 06 tháng, lãi suất vay trong hạn là 9%/năm (tại thời điểm giải ngân), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, hình thức thanh toán là trả lãi hàng tháng.

- Hợp đồng phát hành thẻ tín dụng quốc tế số 16/2023/HĐPHTTDQT.82035 ngày 28/3/2023 với hạn mức sử dụng là 50.000.000 đồng, lãi suất thẻ tín dụng: 18.5%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ tín dụng nêu trên, giữa các bên có xác lập hai hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

- Hợp đồng thế chấp số: 16A/2023/HĐTC-BĐS/NHCT82035 ngày 27/3/2023 giữa V với ông Đỗ Hữu T1, bà Lê Thị A về việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 64,40m², thuộc thửa số 163, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại hẻm F, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 706265 (Số vào sổ CH 01571) do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Đỗ Hữu T1 và bà Lê Thị A ngày 15/6/2011.

- Hợp đồng thế chấp số: 16B/2023/HĐTC-BĐS/NHCT82035 ngày 28/3/2024 giữa V bà Đỗ Thị Thúy A và ông Vi Kiến T về việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 73,0m², thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu dân cư T, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 642759 (Số vào

số: CS 02618) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/8/2018, chỉnh lý sang tên ngày 01/3/2022 cho bà Đỗ Thị Thúy A và ông Vi Kiến T.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ (lãi và gốc) từ kỳ thanh toán ngày 02/01/2024. Vì vậy, V khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T liên đới thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các chi phí phát sinh (nếu có) theo các hợp đồng cấp tín dụng với số tiền tạm tính đến ngày 22/02/2024 là 2.603.975.872 đồng. Cụ thể:

- Dư nợ Hợp đồng 16/2023-HĐCVHM/NHCT82035 ngày 28/3/2023 là 2.551.164.62 đồng (Trong đó, nợ gốc: 2.500.000.000 đồng và nợ lãi: 51.164.162 đồng).

- Nợ thẻ tín dụng quốc tế Hợp đồng 16/2023/HĐPH TTDQT.82035 ngày 28/3/2023 là 55.811.710 đồng.

Ngoài ra, bà Đỗ Thị Thúy A và ông Vi Kiến T còn phải trả các khoản lãi, phí, chi phí khác còn tiếp tục phát sinh sau ngày tạm tính trên, theo lãi suất quy định tại các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng thẻ, cho đến khi Ngân hàng thu hồi hết các khoản nợ. Đồng thời, ngay khi bà Đỗ Thị Thúy A và ông Vi Kiến T không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có quyền tự mình xử lý các tài sản bảo đảm hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thực hiện các biện pháp cưỡng chế, phát mại, xử lý toàn bộ các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn là bà Đỗ Thị Thúy A và ông Vi Kiến T trình bày:*

Thông nhất với trình bày của nguyên đơn về việc ký kết hợp đồng tín dụng với số nợ như trên. Ông bà sẽ cố gắng trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, khi không còn khả năng trả nợ thì chấp nhận thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo lãnh. Ngoài ra, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện tối đa để bị đơn bán tài sản thế chấp sớm giải quyết dứt điểm nợ. Tuy nhiên, trước khi Ngân hàng khởi kiện phía bị đơn rất có thiện chí trả nợ nhưng Ngân hàng đã nhiều lần thay đổi số tiền nợ gốc đối với tài sản của ông Đỗ Hữu T1, bà Lê Thị Á làm bị đơn không thể thực hiện việc trả nợ gốc, nợ lãi.

- Lần 1: Ngân hàng cho rằng muốn chuộc tài sản phải trả nợ gốc là 2.000.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngân hàng cho rằng vì quen biết nên bớt 100.000.000 đồng, chỉ cần trả nợ gốc là 1.900.000.000 đồng. Tại thời điểm này, phía bị đơn có người đi muốn mua lại tài sản của ông T1, bà Á (cha mẹ ruột bà Thúy A) nhưng chỉ đồng ý cho mượn số tiền 1.700.000.000 đồng để chuộc lại tài sản nhưng Ngân hàng vẫn không chấp nhận, cho rằng chỉ giải chấp tài sản khi trả đủ số tiền nợ gốc: 1.900.000.000 đồng. Trong khi đó, khi cho vay Ngân hàng đã thẩm định tài sản, quyết định cho vay và giải ngân số tiền 1.700.000.000 đồng.

- Lần 3: Do bị đơn phản ứng quyết liệt nên Ngân hàng đã giảm số tiền nợ gốc xuống 1.750.000.000 đồng và các khoản lãi, thẻ tín dụng khác nhưng số tiền này vẫn không khớp với khoản nợ gốc là 1.700.000.000 đồng, chênh lệch 50.000.000 đồng. Trong khi giải ngân tiền vay là vào hai ngày khác nhau (theo giấy nhận nợ 01 và 02) gồm:

+ Ngày 29/3/2023, bị đơn thế chấp tài sản của ông Đỗ Hữu T1, bà Lê Thị Á được giải ngân số tiền vay 1.700.000.000 đồng.

+ Ngày 30/3/2023, bị đơn thế chấp tài sản chung của vợ chồng (ông T, bà A) thì Ngân hàng giải ngân số tiền vay còn lại là 800.000.000 đồng.

Do việc chậm thanh toán nợ lãi không phải nguyên nhân chủ quan của bị đơn nên đề nghị được khoan nợ lãi, tiền phạt kể từ ngày không còn khả năng đóng lãi từ tháng 01/2024 đến nay.

** Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Hữu T1, bà Lê Thị Á trình bày:*

Thông nhất với trình bày của bị đơn bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông bà đề nghị khoan nợ lãi, tiền phạt kể từ ngày bị đơn không còn khả năng đóng lãi từ tháng 01/2024 đến nay.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số 139/2024/DS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C.

- Buộc bị đơn bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền nợ tín dụng tạm tính đến ngày 24/6/2024 là 2.708.320.913 đồng (Trong đó, nợ gốc là 2.500.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 127.602.740 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.732.877 đồng và nợ thẻ tín dụng là 56.985.297 đồng) và tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trong trường hợp bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 64.40m², thuộc thửa số 163, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại hẻm F, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 706265 (Số vào sổ CH 01571) do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Đỗ Hữu T1 và bà Lê Thị Á ngày 15/6/2011.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 73,0m², thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu dân cư T, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 642759 (Số vào sổ: CS 02618) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/8/2018, chính lý sang tên bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T ngày 01/3/2022.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), do nguyên đơn đã nộp tạm ứng và chi xong nên bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng TMCP C số tiền này.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T phải chịu 86.166.000 đồng (Tám mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

- Nguyên đơn Ngân hàng TMCP C được nhận lại 42.040.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001037 ngày 15/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo ngày 02/7/2024, bị đơn Đỗ Thị Thúy A kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại đối với phần nợ gốc và các khoản lãi, đồng thời miễn giảm án phí.

Đồng thời, tại đơn kháng cáo ngày 02/7/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu T1 và bà Lê Thị Á kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không tính lãi kể từ ngày bị đơn mất khả năng thanh toán (01/2024), đồng thời miễn giảm án phí cho bị đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên kháng cáo. Các bên không thoả thuận được việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên toà cho rằng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, sau khi phân tích các tình tiết vụ án, các quy định pháp luật liên quan, đại diện Viện kiểm sát cho rằng bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không có tài liệu, chứng cứ mới nên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều đã thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hồ sơ thể hiện, ngày 17/01/2024, Ngân hàng TMCP C ban hành thông báo giải chấp đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Theo nội dung thông báo này thì phương án được đưa ra là bên vay nộp tiền gốc 1.900.000.000 đồng để rút tài sản là quyền sử dụng đất của ông T1, bà Á; đồng thời trả nợ gốc lãi đến hết ngày 16/7/2024. Thông báo này được giao cho bà A cùng ngày. Hội đồng xét xử thấy rằng, đến thời điểm ra thông báo thì số nợ gốc của bên vay là 2.500.000.000 đồng. Do vậy, việc đưa ra phương án trên là không trái thoả thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức và các hợp đồng thế chấp.

[3] Ngày 27/02/2024, Ngân hàng TMCP C tiếp tục có thông báo về việc giải chấp. Theo đó, Ngân hàng TMCP C đưa ra phương án là bên vay nộp 1.750.000.000 đồng và lãi phát sinh tương ứng đến 12/3/2024 để rút tài sản thế chấp của ông T1, bà A. Thông báo được giao cho ông T1 cùng ngày. Thấy rằng, tới thời điểm ra thông báo thì số nợ gốc và lãi đã là 2.607.674.498 đồng. Do đó, việc Ngân hàng đưa ra phương án trên là phù hợp số nợ và không vi phạm thoả thuận vay giữa các bên.

[4] Thấy rằng, trong quan hệ vay tiền, thế chấp giữa Ngân hàng TMCP C với bà A, ông T, bà A, ông T1 thì các bên bình đẳng. Quá trình thực hiện hợp đồng, các bên đều có quyền đưa ra đề nghị để thực hiện các cam kết đã thoả thuận. Bị đơn và người có quyền nghĩa vụ liên quan cho rằng, phía nguyên đơn đưa ra các yêu cầu theo các thông báo trên là không tạo điều kiện và thiếu thiện chí để bên vay thực hiện trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng, các đề nghị nêu trong các thông báo trên đều nằm trong giới hạn thoả thuận vay, thế chấp giữa các bên. Suy cho cùng thì nghĩa vụ của bên vay là phải trả hết nợ vốn và lãi theo hợp đồng đã ký kết mới được giải chấp tài sản thế chấp. Đó chính là thoả thuận của các bên đã được ghi nhận trong hợp đồng. Các mức tiền gốc theo các thông báo của ngân hàng đều thấp hơn nợ vốn tại thời điểm thông báo. Các bên thoả thuận tài sản thế chấp là nhằm đảm bảo tất cả khoản nợ của bị đơn nên không có việc nộp tiền gốc một phần để có thể giải chấp một tài sản thế chấp, trừ khi các bên cùng thoả thuận. Do vậy, việc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu các lý do này làm căn cứ kháng cáo là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Tại phiên toà phúc thẩm, người liên quan là ông T1 và bà A đề nghị tách phần bảo lãnh của ông bà trong phạm vi bảo lãnh. Thấy rằng, tại mục 1.2 của hợp đồng thế chấp tài sản thể hiện, ông T1, bà A bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ cho bên vay. Do vậy, việc yêu cầu tách nghĩa vụ bảo lãnh của ông bà là không phù hợp với thoả thuận trong hợp đồng thế chấp nên không được chấp nhận.

[5] Về nợ vốn, nợ lãi thì các bên đã thừa nhận. Toà án cấp sơ thẩm đã tính tổng khoản nợ đến thời điểm xét xử sơ thẩm là đúng thoả thuận vay của các bên nên không điều chỉnh.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 2.708.320.913 đồng (Trong đó, nợ gốc là 2.500.000.000 đồng;

nợ lãi trong hạn là 127.602.740 đồng, nợ lãi quá hạn là 23.732.877 đồng và nợ thế tín dụng là 56.985.297 đồng) và tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng tín dụng đã ký từ ngày 25/6/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Trong trường hợp bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

+ Quyền sử dụng đất diện tích 64.40m², thuộc thửa số 163, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại hẻm F, đường C, phường C, quận N, thành phố Cần Thơ, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 706265 (Số vào sổ CH 01571) do Ủy ban nhân dân quận N cấp cho ông Đỗ Hữu T1 và bà Lê Thị A ngày 15/6/2011.

+ Quyền sử dụng đất diện tích 73,0m², thuộc thửa số 181, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại khu dân cư T, phường G, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CO 642759 (Số vào sổ: CS 02618) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 30/8/2018, chỉnh lý sang tên bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T ngày 01/3/2022.

2. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T có nghĩa vụ trả lại Ngân hàng TMCP C 10.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đỗ Thị Thúy A, ông Vi Kiến T phải chịu 86.166.000 đồng (*Tám mươi sáu triệu, một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*).

- Ngân hàng TMCP C được nhận lại 42.040.000 đồng (*Bốn mươi hai triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0001037 ngày 15/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Đỗ Thị Thúy A phải chịu 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001540 ngày 03 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều thành án phí, coi như bà A đã nộp xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND.TPCT;
- TAND quận Ninh Kiều;
- THADS quận Ninh Kiều;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Chế Linh